

MÔI TRƯỜNG

TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG: HIỆN TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA⁽¹⁾

NGUYỄN THỊ VÂN

Bên cạnh những đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, việc phát triển các khu công nghiệp tại tỉnh Bình Dương cũng gây ra nhiều thách thức về vấn đề ô nhiễm môi trường. Kết quả nghiên cứu trường hợp tại các khu công nghiệp Sóng Thần tỉnh Bình Dương cho thấy nhìn chung các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đã tuân thủ các hoạt động bảo vệ môi trường nhưng chưa bền vững. Cách thức quản lý, giám sát của các ban ngành chức năng cùng với những quy định pháp luật chưa chặt chẽ đã dẫn tới nhiều kẽ hở trong việc thực hiện bảo vệ môi trường ở các doanh nghiệp cũng như xử lý các vi phạm môi trường. Trên cơ sở những nội dung phân tích trên, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp cải thiện và bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương, hướng tới phát triển công nghiệp xanh và bền vững.

1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

Khu công nghiệp (KCN) Sóng Thần 1 được thành lập năm 1995 tại Dĩ An, Bình Dương khởi đầu cho việc thành lập các KCN tại tỉnh Bình Dương. Theo báo cáo của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Dương năm 2015 (tr. 1), tính đến hết năm 2014, tỉnh Bình Dương có 28 KCN, trong đó có 26

KCN đã đi vào hoạt động. Ba KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) có sự quản lý độc lập, không nằm trong sự quản lý, giám sát của Ban Quản lý các KCN. Theo đó, tính đến hết năm 2014, có 25 KCN do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Dương quản lý, với tổng diện tích quy hoạch 7.539,59ha, trong đó có 23 KCN đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 6.984,69ha, 2 KCN là Thới Hòa và KCN Tân Bình đang tiếp tục xây dựng cơ sở hạ tầng (Ban quản lý các KCN tỉnh Bình Dương, 2015, tr. 1).

Trong những năm gần đây, số lượng các doanh nghiệp trong các KCN của tỉnh Bình Dương tăng dần qua các năm. Số liệu trong Bảng 1 cho thấy năm 2011, tổng số doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong các KCN của tỉnh là 863 doanh nghiệp,

Nguyễn Thị Vân. Thạc sĩ. Trung tâm Kinh tế học, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Bài viết là một phần trong nội dung nhiệm vụ nghiên cứu cấp cơ sở năm 2015: *Vấn đề môi trường tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020: nghiên cứu trường hợp các khu công nghiệp Sóng Thần*. Chủ nhiệm: Nguyễn Thị Vân; cơ quan chủ trì: Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

năm 2014 tăng lên 1.028 doanh nghiệp, đến tháng 6/2015 tăng lên 1.110 doanh nghiệp. Trong đó các doanh nghiệp FDI (có vốn đầu tư nước ngoài) chiếm tỷ lệ cao hơn các doanh nghiệp trong nước ở tất cả các

năm. Điều này cho thấy các KCN tỉnh Bình Dương luôn là điểm hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Tổng vốn đầu tư thực hiện cũng tăng dần qua các năm, trong đó tổng vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI cao

Bảng 1. Tình hình sản xuất kinh doanh của các KCN tỉnh Bình Dương qua các năm
ĐVT: Đô la Mỹ

Nội dung	2011	2012	2013	2014	6 tháng đầu năm 2015
1. Tổng doanh nghiệp HDSXKD	863	903	969	1028	1.110
- Doanh nghiệp trong nước	382	321	352	375	387
- Doanh nghiệp FDI	561	582	617	653	723
2. Tổng vốn đầu tư thực hiện	448.554.216	578.203.782	698.468.944	847.978.022	388.453.280
- Doanh nghiệp trong nước	26.913.253	38.265.080	45.152.794	48.157.514	50.861.908
- Doanh nghiệp FDI	421.640.963	539.938.702	653.316.150	799.820.508	337.591.372
3. Kim ngạch xuất khẩu	2.145.328.757	2.634.895.564	3.353.620.878	3.385.906.620	2.039.193.006
- Doanh nghiệp trong nước	138.659.633	174.463.444	238.498.810	214.580.943	121.403.604
- Doanh nghiệp FDI	2.006.669.124	2.460.432.120	3.115.122.068	3.171.325.677	1.917.789.402
4. Kim ngạch nhập khẩu	2.814.557.857	2.604.499.997	3.002.030.676	4.285.792.251	2.233.911.799
- Doanh nghiệp trong nước	374.928.378	334.522.707	407.524.886	567.870.519	260.322.283
- Doanh nghiệp FDI	2.439.629.479	2.269.977.290	2.594.505.790	3.717.921.732	1.973.589.516
5. Doanh thu	4.926.624.426	5.368.380.389	6.515.154.137	7.681.870.030	4.213.865.134
- Doanh nghiệp trong nước	1.616.999.269	1.770.532.546	2.354.027.158	2.453.958.111	1.388.039.811
- Doanh nghiệp FDI	3.309.625.157	3.597.847.843	4.161.126.979	5.227.911.919	2.825.825.323
6. Nộp ngân sách Nhà nước	124.868.148	135.687.093	155.412.490	183.704.437	98.249.899
- Doanh nghiệp trong nước	22.627.270	25.758.149	32.891.698	35.979.396	19.551.419
- Doanh nghiệp FDI	102.240.878	109.928.944	122.520.792	147.725.041	78.698.480

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của Ban Quản lý các KCN qua các năm 2011 – 2014 (không tính các KCN Việt Nam - Singapore).

hơn rất nhiều so với các doanh nghiệp trong nước. Năm 2014, tổng vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI đạt gần 800 triệu USD (bình quân 1.224.840USD/doanh nghiệp) thì các doanh nghiệp trong nước chỉ đạt hơn 48 triệu USD (bình quân 128.420USD/doanh nghiệp), điều đó thể hiện một phần vì số lượng doanh nghiệp FDI trong các KCN nhiều hơn số lượng các doanh nghiệp trong nước, song phần lớn họ có khả năng tài chính để đầu tư cho sự phát triển sản xuất kinh doanh (Bảng 1).

Tính đến tháng 6 năm 2015, tổng số lao động làm việc trong các KCN tỉnh Bình Dương là 238.105 người, tăng 9.946 người (4,3%) so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 76,32%, lao động làm việc trong các doanh nghiệp trong nước chiếm 23,68% (Ban quản lý các KCN tỉnh Bình Dương, 2015, tr. 5). Có thể nói, Bình Dương là một trong những tỉnh thu hút nguồn lao động lớn nhất nước, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI.

Tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các KCN của tỉnh Bình Dương tăng đều qua các năm, thể hiện qua số liệu tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp. Tuy nhiên cả doanh nghiệp trong nước lẫn doanh nghiệp FDI đều còn phụ vào nhập khẩu máy móc thiết bị đầu tư sản xuất và các nguyên phụ liệu đầu vào... do khả năng trong nước chưa đáp ứng được.

Với sự tăng trưởng mạnh mẽ của các KCN, Bình Dương hiện nay là một trong những tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước về tốc độ phát triển. Tuy nhiên bên cạnh những đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, quá trình phát triển các KCN tỉnh Bình Dương đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn về ô nhiễm môi trường, như nước thải, khí thải, chất thải rắn và tiếng ồn. Những thách thức này nếu không được giải quyết tốt sẽ gây ra những hiểm họa về môi trường, tác động nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế, xã hội cũng như đời sống của người dân.

Bài viết này nhằm tìm hiểu những vấn đề liên quan đến môi trường tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương. Nghiên cứu được thực hiện bằng phương pháp định tính với 20 phỏng vấn sâu tại các KCN Sóng Thần 1, Sóng Thần 2, Sóng Thần 3 với các đối tượng phỏng vấn là Ban quản lý khu công nghiệp, Ban lãnh đạo một số doanh nghiệp tại các KCN Sóng Thần, Lãnh đạo địa phương, công nhân... kết hợp với các tài liệu thứ cấp.

2. MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH DƯƠNG

2.1. Nước thải công nghiệp

Theo *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2015* của Sở Tài nguyên và Môi trường, nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương chủ yếu phát sinh từ các cơ sở sản xuất thuộc ngành dệt nhuộm, chế biến thực

phẩm, giặt tẩy, thuộc da, giấy, xử lý bề mặt kim loại... và nước thải sinh hoạt của công nhân. Thành phần chất ô nhiễm trong nước thải chủ yếu bao gồm các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (tổng Nitơ và tổng Phospho) và một số kim loại nặng. Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh hiện nay khoảng 139.650m³/ngày, tăng 1,1 lần so với năm 2010, trong đó nước thải từ các KCN là 64.839m³/ngày, cụm công nghiệp (CCN) là 4.375m³/ngày và từ các cơ sở nằm ngoài KCN và CCN là 70.786m³/ngày (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, tr. 52).

Số liệu Bảng 2 cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm BOD của nước thải công nghiệp ở các KCN là 1.362kg/ngày, còn ở các cơ sở ngoài KCN, CCN là 1.486kg/ngày. Tương tự các chất ô nhiễm khác như COD, tổng N, tổng P trong nước thải công nghiệp ở các cơ sở nằm ngoài KCN, CCN đều có tải lượng cao hơn trong KCN và CCN. Theo *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2015*, tình hình đầu tư xây dựng hệ

thống xử lý nước thải của các cơ sở nằm ngoài KCN và CCN thời gian qua có cải thiện. Hiện nay khoảng 80% số cơ sở nằm ngoài KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải, tăng thêm 5% so với năm 2010. Các cơ sở có lưu lượng nước thải lớn hoặc thuộc ngành nghề ô nhiễm đều có hệ thống xử lý nước thải, các cơ sở chưa có hệ thống xử lý nước thải chủ yếu là các cơ sở có quy mô vừa và nhỏ. Mặc dù số cơ sở có hệ thống xử lý nước thải tập trung tăng lên không nhiều nhưng số cơ sở có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn tăng lên rõ rệt, hiện nay có trên 30% số cơ sở nằm ngoài KCN và CCN có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn, tăng 1,5 lần so với năm 2010 (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, tr. 53).

Đối với KCN, tất cả 25 KCN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, tỉ lệ các doanh nghiệp trong KCN đấu nối nước thải về hệ thống xử lý tập trung đạt 92%. Tuy nhiên một số KCN đôi khi chưa xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường. Kết quả quan trắc nước thải của các khu

Bảng 2. Tải lượng các chất ô nhiễm của nước thải công nghiệp tại tỉnh Bình Dương năm 2014

STT	Nguồn thải	Tải lượng chất ô nhiễm (kg/ngày)			
		BOD	COD	Tổng N	Tổng P
1	Khu công nghiệp	1.362	3.274	956	85,5
2	Cụm công nghiệp	91,8	220	64,6	5,8
3	Cơ sở ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp	1.486	3.574	1.044	93,4
	Tổng cộng	2.939,8	7.068	2.064,6	184,7

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra và tính toán của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, 2015.

công nghiệp trong thời gian qua cho thấy tỷ lệ các khu công nghiệp còn thải nước vượt quy chuẩn ra môi trường khoảng 24% (năm 2010 khoảng 38%) (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, 2015, tr. 52).

Kết quả khảo sát tại các KCN Sóng Thần cho thấy hầu hết các doanh nghiệp trong KCN đều có hệ thống xử lý nước thải kết nối với hệ thống xả thải chung của KCN. Chỉ trừ trường hợp doanh nghiệp nào có lượng nước thải lớn, vượt quá mức cho phép kết nối với hệ thống xả thải chung thì họ phải làm hệ thống xả thải riêng, nhưng cũng phải được sự cho phép và phê duyệt của các Ban Quản lý về môi trường. Một cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường của Ban Quản lý các KCN Bình Dương cho biết: *“Hiện nay ở tất cả các KCN tại Bình Dương, doanh nghiệp nào đi vào hoạt động cũng phải có hệ thống xử lý nước thải kết nối với hệ thống xả thải chung của KCN. Hệ thống xả thải đó do chủ đầu tư mỗi KCN quản lý, trước khi xả thải ra hệ thống chung, các doanh nghiệp phải tự xử lý nguồn nước tại doanh nghiệp mình, ra đến hệ thống xả thải chung sẽ đánh giá mức độ chất lượng nguồn nước A, B, C... để có cơ sở thu phí đối với các doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp nào có nhu cầu xả thải lớn phải có hệ thống xả thải riêng và có sự giám sát, quản lý của Sở Tài nguyên Môi trường về mức độ và chất lượng nước thải”* (phỏng vấn ngày 24/6/2015).

Dù tình hình đầu tư xử lý nước thải thời gian qua đã được các cơ sở công

ngiệp chú trọng, nhưng vẫn còn một số lượng không nhỏ các cơ sở chưa có hệ thống xử lý nước thải, hoặc có nhưng chưa đạt quy chuẩn môi trường. Việc nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn môi trường của một số KCN, CCN và nhiều cơ sở nằm ngoài KCN, CCN đã tiếp tục gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường tại nguồn tiếp nhận nước, như ý kiến của cán bộ Phòng Tài Nguyên và Môi trường thị xã Dĩ An: *“Hầu hết các KCN khi có nguồn nước xả thải ra nguồn tiếp nhận nước đạt quy chuẩn môi trường, tuy nhiên không phải lúc nào lượng nước xả thải cũng đạt tiêu chuẩn bởi nguồn nước xả thải của các KCN còn phụ thuộc vào chất lượng xử lý nước thải trong các KCN đó, nếu một ngày mà nhiều doanh nghiệp KCN xử lý nước thải chưa đạt tiêu chuẩn đã xả thải ra hệ thống xử lý nước xả thải chung của KCN thì sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nước xả thải chung của KCN... Lượng nước thải gây ô nhiễm môi trường chủ yếu ở các cơ sở nằm ngoài KCN, bởi các cơ sở này nằm rải rác nên rất khó quản lý”* (phỏng vấn ngày 2/7/2015).

Những ý kiến trên cho thấy nếu không có giải pháp phù hợp, không có biện pháp quản lý nguồn nước thải chặt chẽ thì lượng nước thải ở các cơ sở ngoài KCN, CCN và kể cả trong KCN sẽ là mối nguy hại đối với môi trường sống cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của người dân.

2.2. Khí thải công nghiệp

Khí thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất công nghiệp chủ yếu là từ quá

trình đốt nhiên liệu (than, củi, dầu, khí hoá lỏng) với các chất ô nhiễm chính là bụi, CO, SO₂ và NO_x. Bên cạnh các chất ô nhiễm từ quá trình đốt nhiên liệu thì còn có một số chất ô nhiễm như hơi a-xít, dung môi hữu cơ, hoá chất phát sinh trên dây chuyền công nghệ của một số ngành sản xuất có sử dụng nhiều hoá chất, tuy tải lượng các chất ô nhiễm này không lớn. Dưới đây là kết quả khảo sát của đề tài *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2015* của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

Số liệu Bảng 3 cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải của các KCN và các cơ sở nằm ngoài KCN, CCN có mức độ tương đương nhau. Tuy nhiên, theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, do nằm tách biệt với khu dân cư nên ảnh hưởng khí thải từ các KCN, CCN đến dân cư không lớn và ít có khiếu nại của dân cư. Kết quả quan trắc không khí tại một số KCN trong những năm qua cho thấy hầu hết các chỉ tiêu ô nhiễm

đều nằm trong quy chuẩn cho phép. Còn các cơ sở nằm ngoài KCN, CCN do chưa kiểm soát được khí thải rò rỉ trong dây chuyền công nghệ sản xuất, để phát tán ra bên ngoài, đã gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường không khí cục bộ tại một số khu vực, nhất là các cơ sở chế biến gỗ và sản xuất sắt thép từ phế liệu. Nhiều cơ sở nằm gần hoặc đan xen trong khu dân cư chưa thu gom và xử lý triệt để khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân xung quanh.

Cuộc khảo sát các doanh nghiệp tại các KCN Sóng Thần của chúng tôi⁽²⁾ cũng cho thấy các doanh nghiệp nếu có xả khí thải đều phải thiết kế ống thải khí theo đúng tiêu chuẩn cho phép. Các doanh nghiệp cũng mời các cơ quan chức năng đo lường và đánh giá chất lượng khí thải hàng năm: *“Hàng năm các doanh nghiệp phải mời cơ quan chuyên môn môi trường về đo lường các chỉ tiêu như chất lượng khí thải, nước thải, chất thải rắn, tiếng ồn... của doanh nghiệp mình để làm báo cáo đo lường tác động môi trường của doanh nghiệp*

Bảng 3. Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải công nghiệp tại tỉnh Bình Dương năm 2014

STT	Nguồn thải	Tải lượng chất ô nhiễm (tấn/năm)			
		Bụi	SO ₂	NO _x	CO
1	Khu công nghiệp	16.917	183.926	31.485	4.699
2	Cụm công nghiệp	1.167	12.686	2.172	324
3	Cơ sở ngoài KCN, CCN	13.994	152.147	26.045	3.887
	Tổng cộng	32.078	348.759	59.702	8.910

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra và tính toán của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, 2015.

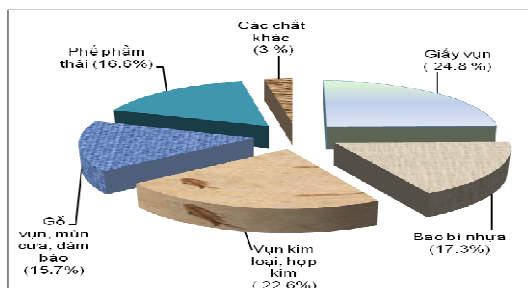
gửi lên Sở Tài nguyên và Môi trường” (phỏng vấn cán bộ Phòng Môi trường - Công ty TNHH một thành viên Tôn Hoa Sen, KCN Sóng Thần 2, ngày 1/7/2012)

2.3. Chất thải rắn công nghiệp

Hoạt động sản xuất công nghiệp phát sinh nhiều chất thải rắn, về cơ bản gồm có chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải rắn công nghiệp nguy hại. Kết quả khảo sát của đề tài “*Điều tra, khảo sát, thống kê, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại của các cơ sở sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương*” do Viện Môi trường và Tài nguyên thực hiện cho thấy thành phần chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

Tổng khối lượng chất thải rắn công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2014 khoảng 5.128 tấn/ngày, tăng gấp 5,8 lần so với năm 2010, trong đó chất thải rắn công nghiệp không nguy hại là 4.808 tấn/ngày,

Biểu đồ 1. Thành phần chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

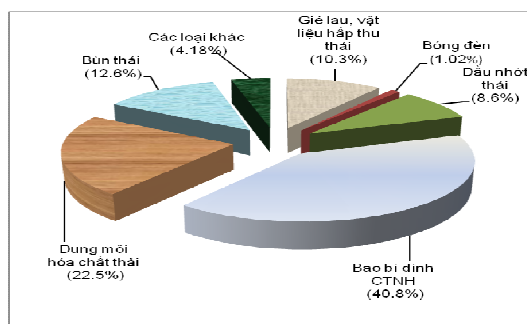


Nguồn: Viện Môi trường và Tài nguyên, 2014 (dẫn theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, 2014, tr. 54).

chất thải rắn công nghiệp nguy hại là 320 tấn/ngày. Hiện nay, tỉ lệ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại được thu gom, xử lý và tái chế chiếm khoảng 90% (tái chế khoảng 70% và xử lý khoảng 20%); tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý khoảng 85%. Như vậy vẫn còn 10% chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và 15% chất thải rắn công nghiệp nguy hại chưa được thu gom, xử lý. Đây là một lượng thải lớn có thể dẫn đến ô nhiễm môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, 2015, tr. 55).

Kết quả khảo sát tại các KCN Sóng Thần cho thấy hầu hết các doanh nghiệp đều phải phân chia rõ ràng chất thải rắn nguy hại và chất thải rắn không nguy hại. Việc xử lý chất thải rắn đều do các doanh nghiệp hợp đồng với các đơn vị thu gom bên ngoài để xử lý. Việc phân loại chất thải rắn nguy hại và không nguy hại nếu không rõ ràng, các cơ quan chức năng quản lý phát hiện sẽ bị xử phạt theo quy định. Vấn đề này được cán

Biểu đồ 2. Thành phần chất thải công nghiệp nguy hại



Nguồn: Viện Môi trường và Tài nguyên, 2014 (dẫn theo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, 2014, tr. 55).

bộ phụ trách kiêm nhiệm về môi trường tại Công ty Hansoll Vina, KCN Sóng Thần 1 cho biết: *“Công ty bị cảnh sát môi trường vào kiểm tra đột xuất phát hiện 1 bóng điện bị hư bỏ sang phần chất thải rắn không nguy hại, lúc đó công ty bị phạt hơn 40 triệu đồng... Chỉ có cảnh sát môi trường mới được vào kiểm tra đột xuất, họ có thể đến kiểm tra bất cứ khi nào mà không cần thông báo trước”* (phỏng vấn ngày 25/6/2015).

2.4. Tiếng ồn trong KCN

Tiếng ồn trong KCN không phải là vấn đề nghiêm trọng, bởi KCN nằm cách xa khu dân cư nên không ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của người dân. Nghiên cứu của Lê Thanh Sang (2012) cho thấy mức độ ô nhiễm tiếng ồn có sự khác nhau giữa các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp. Kết quả khảo sát còn cho thấy chỉ có 1,9% doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực cơ bản cho rằng họ gây tiếng ồn ở mức cao, trong khi hầu hết các doanh nghiệp không cho rằng như vậy. Kết quả này cần được xác thực bằng các đo lường mang tính kỹ thuật để xác định mức độ. Tuy nhiên, quan sát của nhóm nghiên cứu tại các KCN Sóng Thần cho thấy các doanh nghiệp sản xuất trên nhiều lĩnh vực như cơ khí, chế biến gỗ, sản xuất tôn, xây dựng... gây ra tiếng ồn lớn, song chủ yếu gây ra tiếng ồn ngay tại cơ sở sản xuất của doanh nghiệp, ảnh hưởng trực tiếp đến những công nhân trực tiếp làm việc nhưng ít ảnh hưởng đến môi trường sống của người dân xung quanh. Để hạn chế việc ô nhiễm tiếng

ồn, tránh việc ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân, các doanh nghiệp cũng thực hiện nhiều giải pháp như trang bị bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ, luân chuyển công việc... cho các công nhân. Một cán bộ phụ trách bộ phận môi trường của Công ty Tôn Hoa Sen, KCN Sóng Thần 2 cho biết: *“Thường 1 năm cán bộ nhân viên của công ty kiểm tra sức khỏe định kỳ 1 lần, riêng những người trực tiếp làm việc với máy móc thiết bị gây ra tiếng ồn lớn thường được kiểm tra sức khỏe định kỳ 6 tháng một lần, chụp và kiểm tra thính giác, khi làm họ có bảo hộ lao động đeo tai... Nếu ai có vấn đề về thính giác thì buộc họ phải chuyển sang làm ở các bộ phận khác, nếu kiểm tra thính giác bình thường thì họ vẫn được điều động luân chuyển qua làm ở các bộ phận khác một thời gian rồi lại quay lại làm tiếp, thường những công nhân làm công việc này có phụ cấp và chế độ cao hơn”* (phỏng vấn ngày 01/7/2015).

Ý kiến của một cán bộ Phòng Môi trường của Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Dương cho rằng *“Tiếng ồn trong các KCN không ảnh hưởng đến người dân do có hành lang cây xanh và nằm cách xa khu dân cư, còn trong KCN ảnh hưởng qua lại thì các DN phải tự chấp nhận. Tiếng ồn nếu có khiếu nại thì cũng rất khó giải quyết, nếu ảnh hưởng quá lớn mà doanh nghiệp không khắc phục được thì chỉ có biện pháp đóng cửa doanh nghiệp”* (phỏng vấn ngày 02/7/2015).

Như vậy, ô nhiễm tiếng ồn trong KCN tuy không ảnh hưởng nhiều đến môi

trường sống của người dân nhưng ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động. Việc giám sát, đo lường và kiểm tra tiếng ồn của các cơ quan chức năng đối với các doanh nghiệp cần phải được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc mới đánh giá được mức độ ảnh hưởng của nó đối với môi trường cũng như sức khỏe của công nhân trực tiếp làm việc.

Có thể thấy qua các kết quả phân tích tình trạng gây ô nhiễm về nước thải, khí thải, chất thải và tiếng ồn, các doanh nghiệp đều cho rằng vấn đề môi trường không đáng quan ngại. Tuy nhiên, đó chỉ là đánh giá chủ quan của các doanh nghiệp và nó phần nào thể hiện quan điểm còn thiếu tích cực của các doanh nghiệp trong giải quyết mối quan hệ giữa hoạt động sản xuất và môi trường.

3. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KCN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Từ hiện trạng môi trường tại các KCN tỉnh Bình Dương cũng như qua quá trình khảo sát thực tế tại địa bàn nghiên cứu, có thể nhận thấy một số vấn đề đặt ra đối với môi trường tại các KCN tỉnh Bình Dương như sau:

3.1. Sử dụng công nghệ sản xuất giá rẻ từ Đài Loan, Trung Quốc

Khảo sát một số doanh nghiệp tại KCN Sóng Thần cho thấy đa số các doanh nghiệp sử dụng máy móc, thiết bị sản xuất từ Đài Loan, Trung Quốc; một số ít công nghệ sản xuất từ Hàn Quốc và Ấn Độ, chỉ có những công đoạn sản xuất nào cần độ chính xác

và kỹ thuật cao thì doanh nghiệp mới sử dụng công nghệ sản xuất từ Nhật Bản, Châu Âu hoặc Châu Mỹ. Lý do lớn nhất để các doanh nghiệp sử dụng công nghệ sản xuất chủ yếu từ Trung Quốc và Đài Loan là giá rẻ. Như ý kiến của cán bộ phụ trách phụ trách kiêm nhiệm về môi trường Công ty Hansoll Vina, KCN Sóng Thần 1, công ty chuyên sản xuất áo thun xuất khẩu có 100% vốn của Hàn Quốc: *“Hầu hết máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất của công ty được nhập từ Đài Loan, và Trung Quốc bởi giá cả rẻ hơn rất nhiều so với mua từ các nước khác, hơn nữa cũng phù hợp với quy mô sản xuất của công ty. Công ty chỉ có 1 máy được nhập từ Mỹ về để đo tiêu chuẩn kỹ thuật, bởi cần độ chính xác cao”* (phỏng vấn ngày 25/4/2015). Lãnh đạo Công ty Cổ phần giày Việt Hưng, KCN Sóng Thần 2 cũng có ý kiến tương tự: *“Máy móc thiết bị của công ty hầu hết được mua từ Đài Loan, giá cả rẻ, nếu mua mới về sử dụng cũng rất tốt”* (phỏng vấn ngày 25/4/2015).

Tuy nhiên, chất lượng công nghệ sản xuất có nguồn gốc từ Trung Quốc, Đài Loan với các công nghệ đến từ Châu Âu và Châu Mỹ cũng có sự khác biệt đáng kể: *“Những công nghệ sản xuất từ Đài Loan và Trung Quốc nếu mua mới thì những năm đầu hoạt động cũng y như những công nghệ sản xuất đến từ Châu Âu và Châu Mỹ, nhưng những năm sau đó sẽ bị xuống cấp nhanh hơn”* (phỏng vấn lãnh đạo Công ty Chinh Long, KCN Sóng Thần 3, ngày 24/6/2015). Khi so sánh việc gây

ô nhiễm môi trường từ các công nghệ sản xuất, lãnh đạo công ty này đánh giá: *“Chắc chắn những máy móc thiết bị do Châu Âu và Châu Mỹ sản xuất họ có những quy chuẩn cao hơn, hiện đại hơn, hạn chế được vấn đề gây ô nhiễm môi trường nhiều hơn những máy móc, thiết bị từ Đài Loan, Trung Quốc. Tuy nhiên giá cả đắt hơn rất nhiều lần vì vậy hầu hết các doanh nghiệp đều lựa chọn công nghệ sản xuất từ Đài Loan, Trung Quốc”* (phỏng vấn ngày 24/6/2015).

3.2. Các doanh nghiệp tự làm công việc đánh giá môi trường

Tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh mà mỗi doanh nghiệp xả thải ra những loại chất thải khác nhau, song chủ yếu có 4 loại chất thải chính là nước thải, khí thải, chất thải rắn và tiếng ồn. Trong 4 loại chất thải đó, chỉ có nước thải là có hệ thống xả thải chung của KCN, 3 loại chất thải còn lại các doanh nghiệp phải tự thiết kế, xử lý theo đúng quy chuẩn chất lượng môi trường.

Mặc dù hầu như các doanh nghiệp được khảo sát đều cho rằng các loại chất thải chính của doanh nghiệp mình đều được xử lý đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường. Song thực tế, nhóm khảo sát nhận thấy có nhiều doanh nghiệp gây tiếng ồn, khí thải, những mùi đặc trưng xả ra môi trường khá lớn, có thể vượt mức cho phép. Vì vậy, cần phải có sự đo lường về mặt kỹ thuật của các cơ quan chức năng đối với từng doanh nghiệp cụ thể, cũng như có sự giám sát chặt chẽ của các bên liên quan để đánh giá

đúng mức độ ô nhiễm của từng doanh nghiệp, đặc biệt về khí thải và tiếng ồn. Hàng năm, các doanh nghiệp đều làm báo cáo đánh giá môi trường gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, các báo cáo đó đều do doanh nghiệp tự làm, tự thuê cơ quan chuyên môn về kiểm tra, đánh giá. Một cán bộ phụ trách môi trường Công ty Đại Thiên Lộc, KCN Sóng Thần 3 cho biết: *“Hàng năm doanh nghiệp thuê người trong cơ quan đánh giá môi trường về đo lường các loại chất xả thải của doanh nghiệp để làm báo cáo lên Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong khi đo lường chỉ có doanh nghiệp và những cán bộ đo lường đó tham gia đánh giá. Sau khi làm báo cáo đánh giá xong có chữ ký và dấu xác nhận là xong. Minh dựa vào đó làm báo cáo tổng hợp đánh giá môi trường để gửi lên Sở Tài nguyên và Môi trường. Tất cả các chỉ tiêu đo lường của doanh nghiệp đều đạt quy chuẩn môi trường”* (phỏng vấn ngày 24/6/2013). Cách làm này có thể sẽ là lỗ hổng để các doanh nghiệp vi phạm các quy định về môi trường nhưng vẫn được đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường.

3.3. Ban Quản lý các KCN chưa có vai trò trong việc kiểm tra, giám sát, giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường

Từ đầu năm 2015 trở về trước, vấn đề môi trường tại các KCN do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh quản lý, giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường tại các huyện phối hợp thực hiện. Kể từ ngày 1/1/2015, Phòng Môi

trường của Ban Quản lý các KCN mới chính thức được thành lập. Theo phân cấp của Luật Bảo vệ môi trường, hiện nay Phòng Môi trường của Ban Quản lý các KCN sẽ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giám sát, quản lý vấn đề môi trường của các doanh nghiệp trong KCN, Phòng Tài Nguyên và Môi trường cấp huyện sẽ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giám sát, quản lý vấn đề môi trường của các doanh nghiệp ngoài KCN.

Một cán bộ phụ trách môi trường của Ban Quản lý các KCN cho biết: *“Phòng Môi trường trong Ban Quản lý các KCN chỉ có trách nhiệm cấp những hồ sơ môi trường trong KCN để đảm bảo một cửa tại chỗ, không phải là quản lý nhà nước về mặt môi trường – chỉ hỗ trợ, không có chức năng kiểm tra, thanh tra, giám sát. Phòng Môi trường chỉ có trách nhiệm phối hợp, không có trách nhiệm giải quyết, nếu có khiếu kiện gì người dân phải phản ánh với Sở Tài nguyên và Môi trường (nơi trực tiếp nhận khiếu nại - TG). Nếu Phòng Môi trường KCN có nhận đơn khiếu nại của người dân cũng chỉ giúp chuyển lên Sở Tài nguyên và Môi trường chứ không có nhiệm vụ và quyền hạn trực tiếp giải quyết”* (phòng vấn ngày 24/6/2015).

Về vai trò của Phòng Môi trường trong việc tham gia đánh giá tác động môi trường, cán bộ Phòng Môi trường cho biết: *“Trong quá trình thành lập doanh nghiệp, những doanh nghiệp lớn yêu cầu phải đánh giá tác động môi trường, cán bộ trong Phòng Môi trường của Ban Quản lý các KCN cũng được là*

một trong những thành viên của hội đồng đánh giá. Những doanh nghiệp nhỏ không phải đánh giá tác động môi trường nhưng cũng phải có kế hoạch bảo vệ môi trường” (phòng vấn ngày 24/6/2015). Với ý kiến trên có thể thấy, hiện nay Phòng Môi trường trong Ban Quản lý các KCN chưa có nhiều vai trò và quyền hạn trong việc quản lý, giải quyết các vấn đề môi trường trong KCN.

3.4. Một số bất cập khác trong việc quản lý, giải quyết và xử lý vấn đề gây ô nhiễm môi trường

Cùng với những quy định, chính sách chung của cả nước, hiện nay, Bình Dương đã thực hiện nhiều chính sách phát triển công nghiệp gắn liền với bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan về quản lý môi trường KCN; sự phân cấp quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường KCN; một số địa phương đã triển khai quy hoạch KCN đồng bộ, áp dụng công cụ kinh tế thông qua hình thức thu phí môi trường đối với nước thải, chất thải rắn, tổ chức việc thanh kiểm tra giám sát chất lượng môi trường các KCN. Tuy nhiên, việc quản lý và xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường tại các KCN, còn gặp phải một số bất cập sau:

1) Việc phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các bên tham gia chưa thực sự rõ ràng, Ban Quản lý chưa đủ điều kiện thực hiện chức năng đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý môi trường KCN. Tồn tại lớn nhất hiện nay trong vấn đề quản lý môi trường KCN là thiếu chủ thể quản

lý thực sự, chịu trách nhiệm và giải quyết các vấn đề môi trường KCN, đầu mỗi thực hiện triển khai các nội dung quy định về bảo vệ môi trường của KCN. Việc phân cấp không rõ ràng giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với Ban Quản lý các KCN đã dẫn đến việc né tránh, đùn đẩy trách nhiệm giữa các đơn vị. Nhiều chính sách đề ra đòi hỏi sự kết hợp và phối hợp giữa các bên, nhưng chưa quy định cụ thể trách nhiệm xử lý thuộc về bên nào nên dễ dẫn đến tình trạng chậm trễ trong tiến độ giải quyết và xử lý vi phạm môi trường.

2) Phòng Môi trường trong Ban Quản lý các KCN mới được thành lập từ đầu năm 2015 đến nay nên nhân lực chuyên trách về vấn đề môi trường trong KCN còn thiếu và yếu. Vì vậy việc tiếp nhận chuyển giao nhiệm vụ, chức năng và quyền hạn từ Sở Tài nguyên và Môi trường cho Phòng gặp nhiều khó khăn. Ngược lại, cán bộ Phòng Môi trường chưa nắm bắt được nhiều thông tin về những vấn đề môi trường trong các KCN nên việc quản lý, giải quyết và xử lý những vấn đề môi trường còn nhiều hạn chế. Sự bất cập này cần được giải quyết ngay trong thời gian tới.

3) Việc thanh tra, kiểm tra môi trường đột xuất tại các doanh nghiệp trong KCN hiện nay chỉ có cảnh sát môi trường mới được phép. Đối với các ban, ngành chức năng khác khi muốn kiểm tra môi trường phải có văn bản gửi xuống doanh nghiệp. Quy định này đã tạo cơ hội cho các doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị trước, che đậy

những hành vi gây ô nhiễm môi trường, vì vậy gây ra sự không minh bạch trong vấn đề giám sát môi trường.

4) Hiện tại chỉ có Sở Tài nguyên và Môi trường, cảnh sát môi trường mới có quyền xử lý các công ty gây ô nhiễm. Phòng Môi trường của Ban Quản lý các KCN lại chưa được giao nhiệm vụ này. Quy định này làm suy giảm vai trò và quyền lực của Phòng đối với các công ty.

5) Trách nhiệm của các bên trong việc bảo vệ môi trường bên trong KCN còn nhiều bất cập. Theo quy định, ngoài Ban Quản lý các KCN và Sở Tài nguyên và Môi trường, những bên có liên quan trực tiếp đến hoạt động bảo vệ môi trường KCN còn có chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN và các doanh nghiệp trong KCN. Trong khi đó, sự ràng buộc giữa chủ đầu tư và các doanh nghiệp chỉ đơn thuần là hợp đồng kinh tế, do đó dễ dàng phát sinh các kẽ hở trong vấn đề bảo vệ môi trường nếu chủ đầu tư chỉ chú trọng việc cho thuê mặt bằng mà bỏ qua các ràng buộc trách nhiệm môi trường đối với các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, với cách tổ chức hiện nay, doanh nghiệp trong KCN đang cùng lúc chịu 3 sự quản lý: Ban Quản lý các KCN, chủ yếu liên quan đến cấp phép đầu tư và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường, liên quan đến công tác thanh tra, kiểm tra môi trường; chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN, liên quan đến quan hệ mua bán cho thuê dịch vụ, bao gồm cả các dịch vụ

môi trường. Ở đây còn thiếu những quy định và chế tài cụ thể về quan hệ của doanh nghiệp với 3 đầu mối trên, vì vậy dễ dẫn tới quản lý lỏng lẻo trong việc bắt buộc doanh nghiệp phải thực hiện các trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp có các tranh chấp hay sự cố môi trường giữa các bên liên quan sẽ không rõ đầu mối để liên hệ, hỗ trợ doanh nghiệp hoặc chịu trách nhiệm chính để giải quyết vấn đề.

4. NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CỦA CÁC KCN VÀ DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẾN NĂM 2020

Tùy theo loại hình, cách thức, năng lực hoạt động, ngành nghề sản xuất... của các doanh nghiệp mà nhu cầu và khả năng đáp ứng của các doanh nghiệp đối với phát triển công nghiệp xanh và phát triển bền vững khác nhau. Song, để đạt được sự phát triển công nghiệp xanh, các Bộ, ngành chức năng các cấp cần có những định hướng cụ thể, và những tiêu chí rõ ràng. Bởi hiện nay, nhiều địa phương cũng như doanh nghiệp chưa hiểu rõ khái niệm công nghiệp xanh và những tiêu chí cụ thể cần đạt được. Cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Dĩ An cho biết: *“Cho đến nay chưa thấy có sự chỉ đạo nào để phát triển công nghiệp xanh, nếu hướng tới phát triển công nghiệp xanh thì cấp trên phải đưa ra cụ thể những tiêu chí doanh nghiệp hay địa phương cần đạt được là gì, trước đến giờ chỉ nghe thấy nói chung chung, hiểu theo ý hiểu*

của mình nhưng cần phải đưa ra những yêu cầu gì cụ thể để doanh nghiệp đạt được... cũng chưa có công văn hay văn bản nào hướng dẫn xuống địa phương hay các doanh nghiệp để phát triển công nghiệp xanh” (phỏng vấn ngày 02/7/2015). Lãnh đạo một doanh nghiệp cũng cho biết: *“muốn phát triển công nghiệp xanh thì phải nêu rõ xanh là xanh như thế nào, chúng tôi chỉ hiểu theo ý hiểu là không ảnh hưởng đến môi trường nhưng chắc cũng phải có nhiều yêu cầu khác nữa... Nếu chính quyền cấp trên đưa ra thì khả năng doanh nghiệp của chúng tôi có thể đáp ứng được”* (phỏng vấn lãnh đạo Công ty TNHH Hansoll Vina, KCN Sóng Thần 1, ngày 25/6/2015).

Khi được hỏi về khả năng đáp ứng của doanh nghiệp về phát triển công nghiệp xanh, lãnh đạo của Công ty Tôn Hoa Sen cho rằng với đặc thù riêng của doanh nghiệp thì khó đáp ứng được: *“Sản xuất tôn là ngành phá hoại môi trường nên không thể phát triển công nghiệp xanh được bởi để thực hiện phát triển công nghiệp xanh thì chi phí bỏ ra quá lớn so với các ngành khác. Tuy nhiên, hiện nay công ty đầu tư đến mức tối đa những gì ảnh hưởng đến môi trường như nước thải, khí thải, tiếng ồn... để hạn chế đến mức ô nhiễm thấp nhất. Nếu để đầu tư phát triển công nghiệp xanh thì đối với ngành cơ khí hay sản xuất tôn với thực tế ở Việt Nam hiện nay rất khó”* (phỏng vấn ngày 01/7/2015).

Đối với một số doanh nghiệp được đầu tư từ các nước phát triển như Mỹ

hay các nước ở Châu Âu, họ có sự quản lý chất lượng sản phẩm, tuân thủ các hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường, thực tế họ đã đáp ứng được yêu cầu phát triển công nghiệp xanh, như Công ty Du Pont: *“Sự hoạt động của doanh nghiệp có sự quản lý, giám sát của công ty mẹ bên Mỹ nên mọi sự hoạt động, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đều tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn lao động ở mức độ rất cao. Đặc biệt chú trọng đến việc không để ảnh hưởng đến môi trường. Năm 2014, công ty đã được nhận giải doanh nghiệp vì sự phát triển công nghiệp xanh ở trên tỉnh”* (phỏng vấn lãnh đạo Công ty Du Pont Việt Nam, KCN Sóng Thần 2 ngày 01/7/2015).

Theo khảo sát của đề tài và ý kiến của một số lãnh đạo chính quyền, cũng như lãnh đạo một số doanh nghiệp, khả năng đáp ứng của các doanh nghiệp để phát triển công nghiệp xanh tại Bình Dương còn nhiều khó khăn. Riêng KCN Việt Nam - Singapore có thể đáp ứng được sự phát triển công nghiệp xanh và phát triển bền vững một cách dễ dàng, bởi những yêu cầu và quy định trong KCN này cao hơn rất nhiều so với các KCN khác về phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Một cán bộ của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Dĩ An cho biết: *“Để phát triển công nghiệp xanh thì KCN Việt Nam - Singapore thực hiện dễ dàng nhất bởi họ có những nền tảng cơ bản, năm 2014 vừa qua có 10 doanh nghiệp được tỉnh khen thưởng là doanh nghiệp*

xanh, thân thiện và bảo vệ môi trường thì KCN Việt Nam - Singapore có 9 doanh nghiệp đạt được, còn lại 1 doanh nghiệp là doanh nghiệp Du Pont, KCN Sóng Thần 2 của Mỹ” (phỏng vấn ngày 01/7/2015).

5. MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC KCN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Để bảo vệ môi trường tại các KCN tỉnh Bình Dương đạt hiệu quả hướng tới phát triển công nghiệp xanh và bền vững, cần thực hiện một số giải pháp sau:

5.1. Hoàn thiện hệ thống cơ cấu tổ chức quản lý môi trường tại các KCN

Bộ Tài nguyên và Môi trường cần phân cấp và phân công trách nhiệm rõ ràng, cụ thể theo hướng tổ chức quản lý tập trung. Ban Quản lý các KCN cần được giao đầy đủ thẩm quyền và trách nhiệm liên quan đến bảo vệ môi trường bên trong KCN với vai trò là đơn vị chủ trì thực hiện. Sở Tài nguyên và Môi trường cần thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương, chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng, ban hành các văn bản quản lý và xử lý các vấn đề môi trường, phối hợp và hỗ trợ Ban Quản lý các KCN thực hiện các nhiệm vụ được giao. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của KCN; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN, vận hành và đảm bảo hoạt

động của hệ thống xử lý chất thải KCN, tham gia ứng phó với các sự cố môi trường trong KCN... Bên cạnh đó, cần tăng cường năng lực cán bộ quản lý bảo vệ môi trường và tăng cường phối hợp giữa các đơn vị có liên quan.

5.2. Đẩy mạnh việc triển khai công tác bảo vệ môi trường của chính các KCN
Các hệ thống nước thải tập trung phải xây dựng đúng thiết kế, đảm bảo tiêu chuẩn, phù hợp với điều kiện thực tế, duy trì sự hoạt động ổn định và hiệu quả trong suốt quá trình hoạt động của KCN; tránh tình trạng hư hỏng, không xử lý được trong quá trình hoạt động... Các doanh nghiệp có phát sinh khí thải phải có hệ thống xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn chất lượng môi trường Việt Nam trước khi xả thải. KCN phải bố trí địa điểm lưu giữ tạm thời và trung chuyển chất thải rắn của KCN. Tất cả các doanh nghiệp có phát sinh chất thải rắn nguy hại phải có hợp đồng thuê các đơn vị có chức năng và đủ năng lực để thu gom và xử lý đúng cách.

Bên cạnh đó chủ đầu tư và các doanh nghiệp trong KCN cần thực hiện nghiêm túc việc tự quan trắc theo đúng cam kết và tuân thủ chế độ báo cáo thường xuyên cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Yêu cầu bắt buộc các trạm xử lý nước thải tập trung của các KCN phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động để giám sát chất lượng nước thải trước khi xả ra môi trường. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ban Quản lý các

KCN thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường đối với chủ doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN và chủ các dự án đầu tư trong KCN.

5.3. Giám sát kiểm tra đo lường chặt chẽ việc xả thải của các doanh nghiệp trong KCN

Theo khảo sát của đề tài, hiện nay hàng năm các doanh nghiệp trong KCN đều có báo cáo đánh giá môi trường của doanh nghiệp gửi lên Sở Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên, việc đánh giá này hoàn toàn là của doanh nghiệp với một bên có nhiệm vụ đánh giá môi trường, không có sự giám sát của các cơ quan chức năng. Đây là một kẽ hở lớn để các doanh nghiệp che giấu các vi phạm về môi trường. Vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá báo cáo môi trường hàng năm của các doanh nghiệp cần có sự tham gia của cơ quan quản lý bảo vệ môi trường để kết quả đánh giá được rõ ràng và minh bạch hơn.

5.4. Quy hoạch KCN gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và bảo vệ môi trường

Chính phủ cũng như Ủy ban Nhân dân tỉnh phải quy hoạch chặt chẽ các KCN, đồng thời Ủy ban Nhân dân tỉnh và các ban ngành liên quan cần cải thiện môi trường của các KCN hiện hữu và khuyến khích gia tăng tỷ lệ lấp đầy. Ban ngành các cấp cần khẩn trương nghiên cứu việc chuyển đổi các KCN hiện nay thành các KCN

thân thiện môi trường, tiến tới xây dựng các KCN xanh, KCN sinh thái, nhất là các KCN chưa đi vào hoạt động và các KCN đang trong diện quy hoạch. Mô hình KCN xanh, KCN sinh thái không chỉ đáp ứng hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, giảm thiểu nguồn thải, sử dụng hợp lý tài nguyên và năng lượng, mà chú trọng hơn công tác bảo vệ môi trường sinh thái, ưu tiên quy hoạch đất cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển, thu hút các ngành công nghệ cao và các hoạt động dịch vụ.

5.5. Giải pháp về phát triển công nghiệp xanh

Theo khảo sát của đề tài, hiện nay các doanh nghiệp và một số lãnh đạo phòng ban các cấp vẫn chưa hiểu rõ về phát triển công nghiệp xanh, có nhiều cách hiểu khác nhau và còn mơ hồ. Vì vậy, trước hết Chính phủ và Bộ

ngành có liên quan cần tuyên truyền và phổ biến những kiến thức cơ bản về công nghiệp xanh, kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, cũng như cần có văn bản cụ thể chỉ rõ những yêu cầu phát triển công nghiệp xanh, trong đó đưa ra những quy định và những tiêu chí chủ yếu để các doanh nghiệp phấn đấu đạt được. Bên cạnh những tiêu chí chung, Chính phủ và Bộ ngành có liên quan cần đưa ra những tiêu chí cụ thể cho các loại hình doanh nghiệp và các ngành nghề sản xuất đặc trưng khác nhau.

Để có thể phát triển công nghiệp xanh, Ủy ban Nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường cũng như các ban ngành liên quan cần phải xanh hóa các KCN trong tỉnh, cần đề ra những yêu cầu, tiêu chí đầu tư để phát triển KCN theo tiêu chuẩn công nghiệp xanh ngay từ đầu. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Tổng hợp từ các sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại của các cơ sở công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

⁽²⁾ Thuộc nhiệm vụ cơ sở năm 2015: *Vấn đề môi trường tại các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương đến năm 2020: nghiên cứu trường hợp các khu công nghiệp Sóng Thần*. Chủ nhiệm Nguyễn Thị Vân; Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Dương. *Báo cáo kết quả ước thực hiện, phương hướng nhiệm vụ năm các năm 2011, 2012, 2013, 2014*.
2. Ban Quản lý các KCN tỉnh Bình Dương. 2015. *Báo cáo kết quả thực hiện công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm*.
3. Lê Thanh Sang. 2013. *Khảo sát doanh nghiệp ở vùng Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững*. Báo cáo tổng hợp thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Nghiên cứu Nam Bộ năm 2011 - 2012” của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. 2015. *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2015*.

5. Lê Thanh Sang. 2013. *Khảo sát doanh nghiệp ở vùng Nam Bộ theo hướng phát triển bền vững*. Báo cáo tổng hợp thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Nghiên cứu Nam Bộ năm 2011 - 2012” của Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.
6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. 2015. *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011 - 2015*.